| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 115/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 6 - 2019
"V/v xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Huyền Trân
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp
Ông Phạm Văn Mười

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 417/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 404/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các Đ sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Đoái Minh Đ, sinh năm 1978 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp TĐ, xã LVL, thành phố C, tỉnh M.

*2. Bị đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1984 ( có mặt).
Địa chỉ: Ấp TĐ, xã LVL, thành phố C, tỉnh M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đoái Minh Đ trình bày:* Anh và chị N sống chung vào năm 2003, có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có sự hòa hợp, chia sẽ với nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm và không thể chung sống với chị N được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Đ xác định có hai con chung tên Đoái YT, sinh ngày 14/6/2005 và Đoái YV, sinh ngày 20/11/2007, hiện các con đang sống chung với vợ chồng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai cháu YT và YV, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ khai có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

*- Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 03/6/2019 chị Phạm Thị N trình bày:* Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh Đ trình bày. Nhưng chị cho rằng những mâu thuẫn đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ

giữa vợ chồng, giữa chị và anh Đ không có mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn, chị vẫn còn tình cảm với anh Đ nên anh Đ xin ly hôn chị không đồng ý. Tại phiên tòa chị N thay đổi ý kiến cho rằng anh Đ đã không còn tình cảm với chị và cương quyết xin ly hôn nên chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ.

Về con chung: Chị N khai có hai con chung tên Đoái YT, sinh ngày 14/6/2005 và Đoái YV, sinh ngày 20/11/2007, hiện các con đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn chị đồng ý giao cả hai cháu YT và YV cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N khai có nhưng vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ và chị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa anh Đ và chị N đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống anh Đ cho là có nhiều mâu thuẫn, chị N cho là vợ chồng không có mâu thuẫn lớn đến mức ly hôn nhưng nay anh Đ yêu cầu ly hôn chị đồng ý. Anh Đ và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình hội đồng xét xử có cơ sở tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị N xác định có hai con chung tên Đoái YT, sinh ngày 14/6/2005 và Đoái YV, sinh ngày 20/11/2007, hiện các con đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, anh Đ, chị N thống nhất giao cả hai con cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị N. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21/5/2019 nguyện vọng của cháu YT và YV mong muốn được sống chung với cha là anh Đ, sự tự nguyện của anh chị phù hợp với nguyện vọng của các cháu và  để bảo đảm các cháu không bị xáo trộn trong cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy thấy sự tự nguyện thỏa thuận của anh Đ và chị N là phù hợp nên được chấp nhận. Mặc dù, giao con cho anh Đ nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng nếu anh Đ gặp khó khăn hoặc cản trở việc chị N thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì chị N vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ, chị N xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Đ và chị N khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình anh Đ phải nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận anh Đoái Minh Đ và chị Phạm Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Giao các cháu Đoái YT, sinh ngày 14/6/2005 và Đoái YV, sinh ngày 20/11/2007 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng đối với chị N.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Anh Đoái Minh Đ phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 10/5/2019, anh Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000095 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Anh Đ, chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
**(Đã ký)**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**Trần Huyền Trân**